TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÚK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/DS-ST
Ngày: 12 - 5 - 2025
V/v: Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Trương Văn Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Y Mưng Niê**

2. Ông **Nguyễn Ngọc Thọ**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Đạt** - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà*:** Ông **Đinh Quang Ngọc** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc "Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXX-ST ngày 19 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 09/2025/QĐST-DS, ngày 14/4/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn S

Địa chỉ: Thôn T, xã Ph, huyện K, tỉnh Đ; Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình B

Địa chỉ: Tổ dân phố 13, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đ.

Vắng mặt (đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Lê Xuân Công

Địa chỉ: Tổ dân phố 10, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đ.

+ Ông Trương Công Th

Địa chỉ: Tổ dân phố 15, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đ.

+ Ông Trần Hữu Ph

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đ.

+ Ông Phạm Quốc H

Địa chỉ: Số 55 Phạm Văn Đồng, phường A, Tx B, tỉnh Đ.

+ Ông Ngô Văn H

Địa chỉ: Tổ dân phố 13, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đ

(Tất cả đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày đề ngày 23/6/2022, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 01 tháng 10 năm 2018 tôi (gọi bên B) và ông Nguyễn Đình B (gọi bên A) có làm hợp đồng xây dựng đượng bê tông thôn 11, xã Pơng Drang, theo đó bên A giao cho bên B bao thầu trọn gói cát đá, xi măng và phần nhân công đổ đường bê tông với chiều ngang 2,2 m, chiều dày 0,12 m, chiều dài của đường là 2.000 m, đường làm mới hoàn toàn và phần gạt ủi bên B chịu trách nhiệm, hai bên có thỏa thuận trách nhiệm mỗi bên. Hình thức thanh toán: Bên B được ứng trước 70% về khối lượng công việc đã làm. Số tiền còn lại được thanh toán vào lúc cuối công trình hoàn thành. Sau khi hoàn thành công trình thì dưới sự giám sát của Ban đại diện, hai bên đã lập biên bản nghiệm thu công trình và đưa vào sử dụng từ đó đến nay. Tổng số tiền làm đường bê tông là 660.880.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng). Ông Nguyễn Đình B đã thanh toán cho tôi được 03 đợt gồm: Đợt 1 với số tiền 428.450.000 đồng, đợt 2: 32.200.000 đồng và đợt 3 là 20.000.000 đồng, còn lại số số 198.230.000 đồng (tính đến ngày 23 tháng 01 năm 2020) có chữ ký xác nhận của ông Nguyễn Đình B. Ông B có cam kết trả đến ngày 30/11/2020 thanh toán hết các khoản nợ cho ông S.

Mặc dù đã quá hạn thanh toán, nhưng ông Nguyễn Đình B vẫn chây ì không chịu trả nợ cho tôi.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Búk buộc ông Nguyễn B có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là 198.230.000 đồng và số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/12/2020 đến nay là: 198.230.000 đồng x 10%/năm x 17 tháng = 28.000.000 đồng. Tổng cộng buộc ông Nguyễn Đình B có nghĩa vụ trả cho tôi là 226.230.000 đồng. Tuy nhiên, nay tôi thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là buộc

ông Nguyễn Đình B có nghĩa vụ trả cho tôi số tiền còn chưa thanh toán là 198.230.000 đồng.

- Tại bản tự khai ngày 05/4/2023 bị đơn ông Nguyễn Đình B trình bày:

Do tôi và ông Trần Văn S là chỗ quen biết với nhau, là đồng hương với nhau, do nhu cầu của các hộ dân thuộc thôn 11, xã P, huyện K có nhu cầu làm đường bê tông để đi vào rẫy cho thuận tiện. Sau khi họp các hộ dân có liên quan đến đường đi lại đã thống nhất làm đường do ông Trần Văn S xây dựng, hai bên có làm hợp đồng xây dựng đường bê tông, các hộ dân đã thống nhất lập ra ban đại diện, ban giám sát thi công, thủ quỹ. Sau khi con đường hoàn thành đã nghiệm thu xong, chất lượng được đảm bảo. Tuy nhiên, tôi chỉ là người trung gian, làm chứng giữa ban đại diện và ông Trần Văn S, tôi không có giữ lại đồng tiền nào. Tôi thừa nhận số tiền mà tôi giao và ký xác nhận với ông S là do tôi ký xác nhận.

Nay ông Trần Văn S khởi kiện yêu cầu tôi phải trả số tiền còn nợ làm đường là 198.230.000 đồng và lãi suất chậm trả thì tôi đề nghị Tòa án triệu tập làm rõ các bên liên quan để có trách nhiệm trả tiền cho ông Trần Văn S. Đề nghị ban đại diện và các bên liên quan phải làm rõ trách nhiệm với các hộ dân còn nợ đóng tiền đường để trả lại cho ông Trần Văn S. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Xuân C trình bày:

Tôi có rẫy canh tác tại xã P cũ, nay là tổ dân phố 15, thị trấn P, huyện Krông Búk. Do đường đi lại mùa mưa quá khó khăn nên các hộ dân trong thôn có rẫy đi qua con đường, đã thống nhất làm con đường bê tông đi lại cho thuận tiện. Về phần nghĩa vụ đóng tiền làm đường đi tôi đã đóng đủ. Tôi được phân công làm trưởng ban, ông Trương Công Th làm phó ban, ông Trần Hữu Ph làm phó ban; Ông Phạm Quốc H làm phó ban, kế toán, thủ quỹ; Ông Ngô Văn H làm thư ký ban. Bên ban giám sát gồm có ông Nguyễn Quang Th, ông Nguyễn Tấn Nh, ông Trần Đức R, ông Nguyễn Văn T. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Quốc H trình bày:

Tôi có rẫy canh tác tại xã P cũ, nay là tổ dân phố 15, thị trấn P, huyện K. Do đường đi lại mùa mưa quá khó khăn nên các hộ dân trong thôn có rẫy đi qua con đường, đã thống nhất làm con đường bê tông đi lại cho thuận tiện. Về phần nghĩa vụ đóng tiền làm đường đi tôi đã đóng còn thiếu 4 triệu đồng. Tôi được phân công làm làm phó ban, kế toán, thủ quỹ; Ông Lê Xuân C làm trưởng ban, ông Trương Công Th làm phó ban, ông Trần Hữu Ph làm phó ban; Ông Ngô Văn H làm thư ký

ban. Bên ban giám sát gồm có ông Nguyễn Quang Th, ông Nguyễn Tấn Nh, ông Trần Đức R, ông Nguyễn Văn T. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Quốc H trình bày:

Tôi có rẫy canh tác tại xã P cũ, nay là tổ dân phố 15, thị trấn P, huyện K. Do đường đi lại mùa mưa quá khó khăn nên các hộ dân trong thôn có rẫy đi qua con đường, đã thống nhất làm con đường bê tông đi lại cho thuận tiện. Về phần nghĩa vụ đóng tiền làm đường đi tôi đã đóng còn thiếu 4 triệu đồng. Tôi được phân công làm phó ban, ông Phạm Quốc H làm phó ban, kế toán, thủ quỹ; Ông Lê Xuân C làm trưởng ban, ông Trương Công Th làm phó ban, ông Trần Hữu Ph làm phó ban; Ông Ngô Văn H làm thư ký ban. Bên ban giám sát gồm có ông Nguyễn Quang Th, ông Nguyễn Tấn Nh, ông Trần Đức R, ông Nguyễn Văn T. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Hữu Ph trình bày:

Tôi có rẫy canh tác tại xã P cũ, nay là tổ dân phố 15, thị trấn P, huyện K . Do đường đi lại mùa mưa quá khó khăn nên các hộ dân trong thôn có rẫy đi qua con đường, đã thống nhất làm con đường bê tông đi lại cho thuận tiện. Về phần nghĩa vụ đóng tiền làm đường đi tôi đã đóng còn thiếu 15 triệu đồng. Tôi được phân công làm ông Phạm Quốc H làm phó ban, kế toán, thủ quỹ; Ông Lê Xuân C làm trưởng ban, ông Trương Công Th làm phó ban, ông Trần Hữu Ph làm phó ban; Ông Phạm Quốc H làm phó ban, kế toán, thủ quỹ; Ông Ngô Văn H làm thư ký ban. Bên ban giám sát gồm có ông Nguyễn Quang Th, ông Nguyễn Tấn Nh, ông Trần Đức R, ông Nguyễn Văn T. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Hữu Ph trình bày:

Tôi có rẫy canh tác tại xã P cũ, nay là tổ dân phố 15, thị trấn P, huyện K. Do đường đi lại mùa mưa quá khó khăn nên các hộ dân trong thôn có rẫy đi qua con đường, đã thống nhất làm con đường bê tông đi lại cho thuận tiện. Về phần nghĩa vụ đóng tiền làm đường đi tôi đã đóng đủ. Tôi được phân công làm Phó ban; ông Phạm Quốc H làm phó ban, kế toán, thủ quỹ; Ông Lê Xuân C làm trưởng ban, ông Trần Hữu Ph làm phó ban; Ông Phạm Quốc H làm phó ban, kế toán, thủ quỹ; Ông Ngô Văn H làm thư ký ban. Bên ban giám sát gồm có ông Nguyễn Quang Th, ông Nguyễn Tấn Nh, ông Trần Đức R, ông Nguyễn Văn T. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn có mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành, tống đạt và niêm yết hợp lệ nhiều lần, đầy đủ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc đối chất, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Nguyễn Đình B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng của Toà án nhưng bị đơn ông Nguyễn Đình B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn cố tình trốn tránh không đến tham gia phiên toà.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu về nội dụng vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn bị đơn ông Nguyễn Đình B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng và thủ tục tống đạt xét xử lần 2 hợp lệ nhưng bị đơn ông Nguyễn Đình B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn ông Trần Văn S khởi kiện ông Nguyễn Đình B về việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp dân sự về nghĩa vụ thanh toán và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn. Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng, thông báo về việc tiến hành đối chất cho bị đơn ông Nguyễn Đình B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhiều lần nhưng bị đơn ông Nguyễn Đình B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Mặc dù, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn ông Nguyễn Đình B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ

vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Đình B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng: Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Đình B có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn S số tiền 198.230.000 đồng thấy rằng: Căn cứ vào lời khai của ông Nguyễn Đình B và các hợp đồng xây dựng bê tông nông thôn, biên bản nghiệm thu, bản đối chiếu công nợ, biên bản xử lý công nợ (các bút lục 10,11,12,13, 14,15) thì giữa ông Trần Văn S và ông Nguyễn Đình B xác định công nợ còn lại 198.230.000 đồng là có thật, được các bên thừa nhận, đây là chứng cứ không phải chứng minh.

Xét lời khai nại của bị đơn ông Nguyễn Đình B cho rằng: sau khi con đường hoàn thành đã nghiệm thu xong, chất lượng được đảm bảo các bên không có tranh chấp. Tuy nhiên, ông B chỉ là người trung gian, làm chứng giữa ban đại diện và ông Trần Văn S, ông B không có giữ lại đồng tiền nào, đề nghị Tòa án triệu tập làm rõ các bên liên quan để có trách nhiệm trả tiền cho ông Trần Văn S. Đề nghị ban đại diện và các bên liên quan phải làm rõ trách nhiệm với các hộ dân còn nợ đóng tiền đường để trả lại cho ông Trần Văn S, do đó ông B không có nghĩa vụ thanh toán cho ông S. Hội đồng xét xử thấy rằng lời khai nại của ông Nguyễn Đình B là chưa phù hợp, bởi lẽ giữa ông Trần Văn S và ông Nguyễn Đình B có thỏa thuận ký kết hợp đồng thi công xây dựng được các bên thừa nhận đã làm phát sinh nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm ký kết, làm căn cứ phát sinh nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 275 của Bộ luật dân sự và quy định tại Điều 6, Điều 27 của Nghị định 137/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng, hơn nữa ông B cũng là người trực tiếp trả tiền cho ông S và đối chiếu công nợ với ông Trần Văn S, được các bên thừa nhận.

Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng, thông báo về việc tiến hành đối chất cho bị đơn ông Nguyễn Đình B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhiều lần nhưng bị đơn ông Nguyễn Đình B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn cố tình không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp các chứng cứ và yêu cầu triệu tập các bên liên quan để đối chất chứng minh cho lời khai nại của mình nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét theo quy định của pháp luật.

[3]. Từ những phân tích nói trên thấy rằng nguyên đơn ông Trần Văn S yêu cầu giải quyết buộc ông Nguyễn Đình B có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn S số tiền 198.230.000 đồng còn thiếu sau khi thi công xong đường bê tông thôn 11, xã P là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Về lãi suất chậm trả, tại phiên tòa ông S thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu tính lãi suất chậm trả nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Do bị đơn ông Nguyễn Đình B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng bị đơn ông Nguyễn Đình B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình vắng mặt, không cung cấp các chứng cứ để chứng minh cho lời khai nại của mình nên ông Nguyễn Đình B có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các hộ dân có liên quan (nếu có yêu cầu)

[5]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc ông Nguyễn Đình B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 198.230.000 đồng x 5% = 9.912.000 đồng (lấy tròn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 147, khoản 2 Điều 161, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 274, Điều 275, Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm d khoản 2 Điều 27 Nghị định 137/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn S

1. Buộc ông Nguyễn Đình B có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn S tổng số tiền nợ là 198.230.000 đồng (*Một trăm chín mươi tám triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng*).

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Đình B phải chịu 9.912.000 đồng (*Chín triệu chín trăm mười hai nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Trần Văn S số tiền 5.655.000 đồng tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 60AA/2021/0008716, ngày 23/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Bứk, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện Krông Búk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk
- Lưu Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Chinh